

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Kế toán doanh nghiệp

Mã nghề: 40340301

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở hoặc tương đương

Số lượng môn học đào tạo: 49

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

- + Vận dụng được kiến thức về pháp luật, kinh tế - xã hội, tài chính - tiền tệ, kế toán, kiểm toán trong việc thực hiện nghiệp vụ kế toán được giao
- + Vận dụng được kiến thức tin học trong công tác kế toán
- + Vận dụng được hệ thống chứng từ, tài khoản và hình thức kế toán vào thực tiễn
- + Cập nhật được các chính sách phát triển kinh tế và các chế độ về tài chính, kế toán, thuế vào công tác kế toán tại doanh nghiệp

- Kỹ năng:

- + Lập được chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý được chứng từ kế toán
- + Sử dụng được chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết
- + Tổ chức được công tác kế toán phù hợp với doanh nghiệp
- + Lập được báo cáo kế toán tài chính và báo cáo thuế của doanh nghiệp
- + Phân tích được tình hình tài chính doanh nghiệp
- + Kiểm tra, đánh giá được công tác tài chính, kế toán của doanh nghiệp
- + Cung cấp được một số thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị
- + Lập được kế hoạch tài chính doanh nghiệp
- + Sử dụng thành thạo 2 đến 3 phần mềm kế toán doanh nghiệp thông dụng

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

- + Có hiểu biết về một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- + Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
- + Có lòng yêu nước, yêu CNXH, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và lợi ích của đất nước
- + Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp
- + Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác
- + Tuân thủ các qui định của luật kế toán, tài chính, chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao
- + Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc.

- Thẻ chất, quốc phòng:

- + Có đủ sức khoẻ để học tập, công tác lâu dài, sẵn sàng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
- + Hiểu biết một số phương pháp luyện tập và đạt kỹ năng cơ bản một số môn thể dục, thể thao như: Thể dục, Điền kinh, Bóng chuyền...
- + Có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng toàn dân, dân quân tự vệ
- + Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quân sự phổ thông cần thiết của người chiến sĩ, vận dụng được trong công tác bảo vệ trật tự trị an
- + Có ý thức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC

1 Thời gian của khoá học và thời gian thực học

- Thời gian đào tạo: 3 năm
- Thời gian học tập: 96 tuần
- Thời gian thực học : 2955 giờ

2 Phân bổ thời gian thực học

- Thời gian học các môn văn hóa: 1110 giờ
- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 285 giờ
- Thời gian học các môn học đào tạo nghề: 1560 giờ

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)					
		Tổng số	Số giờ lên lớp				Số giờ tự học
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	
I	Các môn học văn hóa	1110	1110	631	435	44	0
2307091101	Toán 1	90	90	42	45	3	
2307091102	Toán 2	90	90	46	41	3	
2307092103	Toán 3	105	105	53	49	3	
2307092104	Toán 4	105	105	44	58	3	
2307091105	Vật lý 1	60	60	31	27	2	
2307091106	Vật lý 2	60	60	37	21	2	
2307092107	Vật lý 3	60	60	33	25	2	
2307092108	Vật lý 4	60	60	35	23	2	
2307091109	Hóa học 1	60	60	32	26	2	
2307091110	Hóa học 2	60	60	34	24	2	
2307092111	Hóa học 3	60	60	33	25	2	
2307092112	Hóa học 4	60	60	31	27	2	
2307091113	Ngữ văn 1	60	60	42	14	4	
2307091114	Ngữ văn 2	60	60	45	11	4	
2307092115	Ngữ văn 3	60	60	48	8	4	
2307092116	Ngữ văn 4	60	60	45	11	4	
II	Các môn học chung	285	285	142	128	15	0

2307113001	Chính trị	30	30	22	6	2	
2307113005	Pháp luật	15	15	11	3	1	
2307091130	Giáo dục thể chất	30	30	3	24	3	
2307133001	Giáo dục quốc phòng - An ninh	120	120	67	48	5	
2307061300	Tin học	30	30	13	15	2	
2307121118	Anh văn 1	60	60	26	32	2	
III	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	1920	1200	491	675	34	720
III.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	420	330	209	105	16	90
2307113050	Kinh tế chính trị	90	45	43		2	45
2307082035	Luật kinh tế	30	30	13	15	2	
2307081040	Soạn thảo văn bản	30	30	13	15	2	
2307081004	Kinh tế vi mô	60	45	28	15	2	15
2307081015	Lý thuyết thống kê	45	45	28	15	2	
2307081008	Lý thuyết tài chính	45	45	28	15	2	
2307082217	Lý thuyết tiền tệ tín dụng	45	45	28	15	2	
2307081005	Lý thuyết kế toán	75	45	28	15	2	30
III.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1500	870	282	570	18	630
2307083038	Quản trị doanh nghiệp	45	45	28	15	2	
2307082037	Thống kê doanh nghiệp	60	45	28	15	2	15
2307083012	Thuế	60	45	28	15	2	15

2307082203	Tài chính doanh nghiệp	90	45	28	15	2	45
2307082104	Kế toán doanh nghiệp 1	120	60	43	15	2	60
2307083105	Kế toán doanh nghiệp 2	120	60	43	15	2	60
2307083101	Phân tích hoạt động kinh doanh	60	45	28	15	2	15
2307083111	Kiểm toán	45	45	28	15	2	
2307063905	Tin học kế toán	45	45	28	15	2	
3307083190	Thực hành kế toán doanh nghiệp	255	135		135		120
3307083191	Thực tập tốt nghiệp	600	300		300		300
Tổng cộng A		3315	2595	1264	1238	93	720

IV. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO TỰ CHỌN, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)					
		Tổng số	Số giờ lên lớp				Số giờ tự học
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	
2307081006	Quản trị học	45	45	28	15	2	
2307081007	Marketing	45	45	28	15	2	
2307082046	Kinh tế phát triển	45	45	28	15	2	
2307083047	Kinh tế quốc tế	45	45	28	15	2	
2307082120	Kế toán ngân sách xã, phường	60	45	28	15	2	15
2307083013	Thị trường chứng khoán	60	45	28	15	2	15
2307082117	Kế toán thương mại dịch vụ	60	45	28	15	2	15

2307083108	Kế toán hành chính sự nghiệp	60	45	28	15	2	15
Tổng cộng		420	360	224	120	16	60

V. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

TT	Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số giờ lên lớp	Số giờ tự học	Tổng số	Ghi chú
Học kỳ 1			480	30	510	
Môn học, mô đun bắt buộc			435	30	465	
1	2307091101	Toán 1	90		90	
2	2307091105	Vật lí 1	60		60	
3	2307091109	Hóa học 1	60		60	
4	2307091113	Ngữ văn 1	60		60	
5	2307121118	Anh văn 1	60		60	
6	2307091130	Giáo dục Thể chất	30		30	
7	2307081005	Lý thuyết kế toán	45	30	75	
8	2307061300	Tin học	30		30	
Môn học, mô đun tự chọn			45	0	45	
9	2307081006	Quản trị học	45		45	
Học kỳ 2			480	15	495	
Môn học, mô đun bắt buộc			435	15	450	
1	2307091102	Toán 2	90		90	
2	2307091106	Vật lí 2	60		60	
3	2307091110	Hóa học 2	60		60	
4	2307091114	Ngữ văn 2	60		60	
5	2307081040	Soạn thảo văn bản	30		30	
6	2307081004	Kinh tế vi mô	45	15	60	

7	2307081008	Lý thuyết tài chính	45		45	
8	2307081015	Lý thuyết thống kê	45		45	
Môn học, mô đun tự chọn			45	0	45	
9	2307081007	Marketing	45		45	
Học kỳ 3			510	30	540	
Môn học, mô đun bắt buộc			420	15	435	
1	2307092103	Toán 3	105		105	
2	2307092107	Vật lí 3	60		60	
3	2307092111	Hóa học 3	60		60	
4	2307092115	Ngữ văn 3	60		60	
5	2307082037	Thống kê doanh nghiệp	45	15	60	
6	2307082217	Lý thuyết tiền tệ tín dụng	45		45	
7	2307083038	Quản trị doanh nghiệp	45	0	45	
Môn học, mô đun tự chọn			90	15	105	
8	2307082120	Kế toán ngân sách xã, phường	45	15	60	
9	2307082046	Kinh tế phát triển	45		45	
Học kỳ 4			480	120	600	
Môn học, mô đun bắt buộc			435	105	540	
1	2307092104	Toán 4	105		105	
2	2307092108	Vật lí 4	60		60	

3	2307092112	Hóa học 4	60		60	
4	2307092116	Ngữ văn 4	60		60	
5	2307082203	Tài chính doanh nghiệp	45	45	90	
6	2307082104	Kế toán doanh nghiệp 1	60	60	120	
7	2307063905	Tin học kế toán	45		45	
Môn học, mô đun tự chọn			45	15	60	
8	2307082117	Kế toán thương mại dịch vụ	45	15	60	
Học kỳ 5			510	165	675	
Môn học, mô đun bắt buộc			420	135	555	
1	2307083101	Phân tích hoạt động kinh doanh	45	15	60	
2	2307083012	Thuế	45	15	60	
3	2307083105	Kế toán doanh nghiệp 2	60	60	120	
4	2307132001	Giáo dục quốc phòng - An ninh	120		120	
5	2307113050	Kinh tế chính trị	45	45	90	
6	2307113001	Chính trị	30		30	
7	2307083111	Kiểm toán	45	0	45	
8	2307082035	Luật kinh tế	30		30	
Môn học, mô đun tự chọn			90	60	120	
9	2307083013	Thị trường chứng khoán	45	15	60	
10	2307083108	Kế toán hành chính sự nghiệp	45	15	60	

Học kỳ 6			495	420	915	
Môn học, mô đun bắt buộc			450	420	870	
1	2307113240	Pháp luật	15		15	
1	3307083190	Thực hành kế toán doanh nghiệp	135	120	255	
2	3307083191	Thực tập tốt nghiệp	300	300	600	
Môn học, mô đun tự chọn						
3	2307083047	Kinh tế quốc tế	45		45	
Tổng cộng toàn khóa :			2955	780	3735	

VI. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian	Ghi chú
I	Văn hóa Trung học phổ thông			
1	Toán	Tự luận	120 phút	
2	Vật Lý	Tự luận hoặc Trắc nghiệm	120 phút 90 phút	
3	Hóa học	Tự luận hoặc Trắc nghiệm	120 phút 90 phút	
II	Chính trị	Tự luận	120 phút	
III	Kiến thức và kỹ năng nghề			
1	Lý thuyết nghề	Tự luận	120 phút	
2	Thực hành nghề	Bài thi thực hành		Tùy theo bài thi thực hành, Khoa xây dựng kế hoạch cụ thể
3	Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)	Bài thi tích hợp giữa lý thuyết và thực hành		Tùy theo bài thi tích hợp, Khoa xây dựng kế hoạch cụ thể

2. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/ tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học

3. Các chú ý khác:

Chương trình môn văn hóa thực hiện theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương trình môn chung thực hiện theo chương trình của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2015

HIỆU TRƯỞNG


Phạm Hữu Lộc